TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 09/2019/HC-GĐT
Ngày: 29-10-2019
V/v: "*Khiếu kiện thông báo thuế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

UỶ BAN THẨM PHÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Uỷ ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao gồm có:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Vũ Thanh Liêm và ông Lê Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về "Khiếu kiện thông báo thuế", giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trịnh Văn H; địa chỉ: Số 04 Đường T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức H1 - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B (Theo Văn bản ủy quyền số 39/UQ-CCT ngày 29/12/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Địa chỉ: Số 01 đường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

- Địa chỉ: Số 01 đường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Bà Nguyễn Thị N.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn H (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018).

- Địa chỉ: Số 04 Đường T, phường T1, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện ông Trịnh Văn H trình bày*:

Năm 1984, ông được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 01 lô đất tọa lạc tại tổ dân phố 5, phường T1, Thành phố B theo nội dung giấy cho sử dụng đất có diện tích 400m^2. Tuy nhiên, diện tích thực tế là 681,3m^2 (Nay thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79). Sau khi được cấp đất gia đình ông làm nhà tạm năm 1992, đến năm 2003 gia đình ông sửa lại nhà và sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp với ai.

Ngày 21/02/2017, ông nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất 681,3m^2.

Ngày 26/7/2017, Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB-CCT, có nội dung "*Căn cứ vào phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 1702876/VPĐK ngày 19/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có nội dung xác định hộ gia đình ông phải nộp tiền sử dụng đất nên Chi cục thuế thành phố B ấn định mức thuế phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích là 300m^2 đất ở. Cụ thể: phải nộp tiền sử dụng đất là 1.650.000.000 đồng và tiền nộp phí trước bạ là 16.643.000 đồng*".

Ngày 31/7/2017, ông có đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính được Uỷ ban nhân dân phường T1 xác nhận. Ngày 09/8/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 629871, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79, đứng tên hộ ông Trịnh Văn H, bà Nguyễn Thị N, đồng thời có ghi nợ nghĩa vụ tài chính. Ông H cho rằng việc Chi cục thuế xác định mức nộp 50% tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông là không đúng nên đã có đơn khiếu nại.

Ngày 14/8/2017, Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B đã ban hành quyết định số 4420/QĐGQKN không chấp nhận khiếu nại lần đầu của ông H.

Ngày 21/11/2017, ông H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuật để xác định lại nghĩa vụ tài chính cho hộ gia đình Ông theo đúng quy định pháp luật.

- *Người bị kiện trình bày:*

Ngày 10/7/2017, Chi cục thuế thành phố B nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đối với lô đất của ông Trịnh Văn H, cụ thể:

+ Thửa đất số 110; Tờ bản đồ số 79.

+ Địa chỉ tại: Phường T1, Thành phố B, Đắk Lắk.

+ Loại đường, khu vực: đường TĐT, đoạn TKD đến hết lô L6, khu dân cư TĐT;

+ Vị trí: Đất trồng cây lâu năm-vị trí 1 (Tổ dân phố 5) thuộc quy hoạch đất ở.

+ Diện tích thửa đất: 681,3m^2; sử dụng riêng: 681,3m^2

+ Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 300m^2;

+ Diện tích trong hạn mức: 300m^2 (Theo cam kết ngày 20/02/2017);

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị 300m^2, đất trồng cây lâu năm: 381,3m^2

+ Thời hạn sử dụng đất: có thời hạn đến ngày 01/7/2064

+ Nguồn gốc sử dụng đất: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp năm 1984;

+ Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ năm 2003;

+ Đối tượng thuộc diện phải nộp tiền sử dụng đất theo trường hợp: Theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, kèm theo hồ sơ theo quy định.

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH, Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, các hồ sơ, tài liệu có liên quan và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Chi cục thuế đã tính và ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB - CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố B với số tiền sử dụng đất ông H phải nộp là: 1.650.000.000 đồng và Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà, đất ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố B với số tiền lệ phí trước bạ ông H phải nộp là: 16.642.987 đồng, là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ pháp lý.

Nay ông Trịnh Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế, ý kiến của Chi cục thuế thành phố B là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày: Căn cứ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Văn H; hồ sơ thẩm định của Ủy ban nhân dân phường T1 đối với lô đất của ông Trịnh Văn H. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xét thấy: Diện tích đất của ông H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc: Do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Trịnh Văn H năm 1984 với diện tích 400m^2 đất để làm nhà ở, hộ ông H làm nhà ở năm 2003 và sử dụng ổn định cho đến nay. Phần diện tích đất tăng 281,3m^2 là do sai số đo đạc.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy thông báo nộp thuế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã làm đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì.

Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Ông H yêu cầu hủy Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính, đề nghị Tòa án quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

"Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 khoản 3 Điều 158, khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điểm c khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk "Về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2015";

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 629871, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79, tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/8/2017 đứng tên hộ ông Trịnh Văn H, bà Nguyễn Thị N."

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2018, người khởi kiện ông Trịnh Văn H có đơn kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2019/HC-PT ngày 28/2/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

"Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn H. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn H

- Áp dụng Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 7 Điều 18; Điều 21 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của điều Luật đất đai và điểm e Điều 16 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79 tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 629871 do UBND thành phố B cấp ngày 09/8/2017 đứng tên hộ ông Trịnh Văn H, bà Nguyễn Thị N."

Ngày 21/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 74/QĐKNGĐT- VKS-HC đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2019/HC-PT ngày 28/2/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thay đổi quyết định kháng nghị nêu trên đề nghị Uỷ ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2019/HC-PT ngày 28/2/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguồn gốc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79 ở Tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B, hộ ông Trịnh Văn H đang sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên là đất do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk giao và cho phép sử dụng ngày từ 15/10/1984 với diện tích 400 m^2 để làm nhà ở, nhưng diện tích đo đạc thực tế là 681,3m^2. Ông H khai nhận gia đình Ông đã làm nhà tạm từ năm 1992, đến năm 2003 thì xây nhà cấp 4 để ở và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp.

[2]. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp đất cho ông Trịnh Văn H là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Mục V của Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, nên khi ông H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất.

[3] . Tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định:

"Điều 8. Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

……..

"*c) Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất, khi được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:*

Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại Bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ

quan nhà nước có thẩm quyền; bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; bằng 100% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Đối chiếu quy định trên, bản án hành chính phúc thẩm cho rằng hộ ông H thuộc trường hợp có giấy tờ của đơn vị Quốc phòng giao đất cho cán bộ, chiến sỹ làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 nên "*hộ ông Trịnh Văn H thuộc trường hợp sử dụng đất không phải nộp thuế sử dụng đất*" để từ đó sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn H là không đúng quy định pháp luật.

[4]. Bản án hành chính sơ thẩm đã nhận định: "*Hộ ông Trịnh Văn H đã làm nhà tạm từ năm 1992 nhưng không sử dụng, đến năm 2003 mới làm nhà cấp 4 để ở, sử dụng ổn định đến nay, thửa đất đang sử dụng có ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp*" để cho rằng hộ ông Trịnh Văn H sử dụng đất sau ngày 15/10/1993 nên thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% là cũng chưa đủ cơ sở. Theo các biên bản lời khai và đơn khiếu nại có trong hồ sơ vụ án thì ông H lại cho rằng sau khi được cấp đất (năm 1984), Ông đã trồng hoa màu và làm một ngôi nhà tạm và ở tại căn nhà trên từ năm 1992, sử dụng ổn định từ đó đến nay, những người hàng xóm đều biết. Tuy nhiên, những nội dung trên chỉ mới là lời khai của ông H, chưa được cấp sơ thẩm xác minh.

Do đó, để có căn cứ xác định ông Trịnh Văn H phải nộp tiền sử dụng đất như thế nào thì cần điều tra làm rõ những nội dung trên. Xét thấy, những vấn đề này thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên không cần thiết phải hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 272; Điều 277 và Điều 278 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 74/QĐKNGĐT- VKS-HC ngày 21/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2019/HC-PT ngày 28/2/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để

xét xử phúc thẩm lại vụ án.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Toà án nhân dân TP. B;
- Chi CTHA DS TP.B;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu các phòng: GĐKT I; HCTP; VTLT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà